

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **25/03/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	BID	810	3.4%
2	BVH	110	0.5%
3	CTG	3,210	7.9%
4	EIB	2,840	6.1%
5	HCM	270	0.5%
6	HDB	3,680	9.4%
7	MBB	7,010	13.9%
8	SSI	1,420	2.4%
9	STB	8,650	10.2%
10	TCB	6,590	14.3%
11	VCB	1,630	12.7%
12	VPB	7,040	18.4%
II	Tiền/Cash (VND)	1,010,258	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value 742,425,000 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value of an ETF Creation Unit 743,435,258 VND
- + Giá trị chênh lệch/ Cash Component 1,010,258 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Options to Investors:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer Cash Component
- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	SSI	12,500	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	31,600	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	MBB	14,800	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	TCB	16,100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	VPB	19,500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 25/03/2020	Kỳ trước/Last Period 24/03/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	26,200,000	26,200,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	9,700	10,420	-720
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date của quỹ ETF/ of the Fund	194,780,037,766	196,130,594,145	-1,350,556,379
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	743,435,258	748,590,053	-5,154,795
của 1 CCQ/ per Share	7,434.35	7,485.90	-51.55
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	764.15	730.31	33.84



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Lệ Hằng